

Bản án số: 781/2022/HS-PT

Ngày: 20/10/2022

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 757/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Bị cáo được trích xuất:

Lê Thị T; sinh ngày 20/8/1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn T1 và bà Quách Thị Hồng R; Có chồng là Bùi Văn H và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 13/12/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Anh Trịnh Ngọc H1, sinh năm 1993; trú tại: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Anh Vũ Sơn H2, sinh năm 1991; trú tại: tổ G, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trịnh Ngọc T2, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Anh Vũ Văn V1, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ A, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Anh Vũ Mạnh H3, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ D, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ngân hàng TMCP Q (V2) – Chi nhánh Q1; người đại diện theo ủy quyền: ông Nghiêm Xuân G – Giám đốc NHBL Ngân hàng TMCP Q (V2) - Chi nhánh Q1; vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn V, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Dương Hữu H4, sinh năm 1981; nơi cư trú: số E, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2021, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Lê Thị T đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi cầm cố, chiếm đoạt. Thông qua người quen giới thiệu, chiều ngày 08/5/2021, T đến Công ty TNHH Đ (*địa chỉ tại:* Tổ A, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) gặp anh Vũ Sơn H2 (là Giám đốc Công ty) hỏi thuê 01 xe ô tô bán tải phục vụ công việc cá nhân. Anh Vũ Sơn H2 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát (BKS) 14C-227.43 (chiếc xe thuộc sở hữu của anh Vũ Mạnh H3 gửi vào Công ty để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái) trong thời gian 01 tháng (*từ 08/5/2021- 08/6/2021*) với giá tiền 23 triệu đồng. T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô trên, đặt cọc 15.000.000 đồng và để lại 01 bản phô tô chứng minh nhân dân, bản chính sổ hộ khẩu mang tên T, anh H2 bàn giao xe và bản phô tô giấy tờ xe cho T sử dụng. Ngay sau khi thuê được xe, T khai đã mang xe đến xã P, huyện S, Hà Nội để cầm cố cho Nguyễn Văn T3 lấy 200 triệu đồng, nhưng lại viết 01 giấy biên nhận tiền với nội dung nhận số tiền trên để xin cho T3 vào làm việc tại Điện lực S, tự nguyện để lại xe ô tô BKS 14C-227.43 để làm tin. Số tiền cầm cố xe T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tiếp đó, chiều ngày 09/5/2021, T đến Công ty TNHH H7 (*địa chỉ:* Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) gặp anh Trịnh Ngọc H1 (là Phó giám đốc - quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty H7) hỏi thuê 01 xe ô tô loại 5 chỗ. Anh Trịnh Ngọc H1 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Outlander, BKS 14A-324.33 (chiếc xe thuộc sở hữu của anh Trịnh Ngọc T2 gửi vào Công ty để kinh doanh) trong thời gian 01 tháng (*từ 09/5/2021 - 09/6/2021*) với giá tiền 23 triệu đồng. T ký hợp đồng thuê xe, đặt cọc 15 triệu đồng và 01 bản phô tô chứng minh nhân dân của T và được anh Trịnh Ngọc H1 bàn giao xe và bản phô tô giấy tờ xe cho T sử dụng. Khoảng 10 ngày, T điều khiển xe đến khu vực phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc cầm cố xe cho một người đàn ông (*không rõ nhân thân lai lịch*) lấy 200 triệu đồng và viết 01 giấy biên nhận tiền để xin cho người này vào làm việc tại Đ Vĩnh Phúc, để lại ô tô BKS 14A-324.33 làm tin (T cung cấp cho Cơ quan điều tra ảnh chụp giấy biên nhận tiền). Số tiền cầm cố xe, T đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Cũng với thủ đoạn gian dối như trên, ngày 20/5/2021, T tiếp tục đến gặp anh Trịnh Ngọc H1 để đặt vấn đề thuê thêm 01 chiếc ô tô bán tải và nói dối là đã cho người khác mượn ô tô 14A-324.33 trước đó đã thuê của anh Trịnh Ngọc H1. Anh H1 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Cheverolet Colorado, BKS 14C-262.25 (chiếc xe thuộc sở hữu của anh Vũ Văn V1 gửi vào Công ty để kinh doanh) trong thời gian 01 tháng (từ 20/5/2021 – 20/6/2021) với giá 23 triệu đồng. T ký hợp đồng thuê xe, đặt cọc 15 triệu đồng rồi được anh H1 bàn giao xe và bản phô tô giấy tờ xe. Sau đó T đã sử dụng chiếc xe này đến ngày 25/5/2021, mang xe đến thành phố T cầm cố cho anh Dương Hữu H4 lấy 100 triệu đồng, nhưng viết giấy bán xe theo yêu cầu của anh H4 (T cung cấp cho Cơ quan điều tra bản chụp giấy bán xe). Số tiền cầm cố xe, T đã sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Sau đó, khi đến thời hạn cho thuê xe nhưng không thấy T mang xe đến trả, anh Vũ Sơn H2 và Trịnh Ngọc H1 kiểm tra thấy định vị của cả 3 xe ô tô đều tắt nên gọi điện thoại cho T và được T thông báo đã mang xe ô tô đi cầm cố rồi Tuyên ngắt liên lạc, bỏ trốn đến ngày 13/12/2021 T đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Q đầu thú.

Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh kết luận: Giá trị 03 chiếc xe ô tô Tuyên đã chiếm đoạt là 1.589.778.000đ (Một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Trong đó:

- Xe ô tô BKS 14C-227.43 có giá trị 527.048.000đ (Năm trăm hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng);
- Xe ô tô BKS 14A-324.33 trị giá 589.867.000đ (Năm trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);
- Xe ô tô BKS 14C-262.25 trị giá 472.863.000đ (Bốn trăm bảy mươi hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Lê Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản phù hợp với nội dung trên. Theo T khai cầm cố xe cho anh Dương Hữu H4, tuy nhiên anh H4 khai chỉ quen biết T qua một số người bạn xã hội và không nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS 14C-262.25; còn đối với anh Nguyễn Văn T3, Cơ quan điều tra đã triệu tập xác minh nhưng do không có mặt tại nơi đăng ký cư trú nên chưa làm rõ được việc cầm cố xe. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp truy tìm 03 xe ô tô bị T chiếm đoạt, nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Lê Thị T 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 13/12/2021. Phạt tiền bị cáo Lê Thị T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/7/2022, bị cáo Lê Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26/7/2022, bị cáo Lê Thị T có đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thị T.

- Ngày 21/7/2022, các bị hại anh Trịnh Ngọc H1 và anh Vũ Sơn H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do chưa làm rõ vai trò của ông Nguyễn Văn T3 và ông Dương Hữu H4 trong vụ án, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại anh Vũ Sơn H2 và anh Triệu Ngọc H5, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trịnh Ngọc T2, anh Vũ Văn V1 có mặt tại phiên tòa, xuất trình văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có chữ ký của các anh Trịnh Ngọc H1, Vũ Sơn H2, Vũ Mạnh H3, Trịnh Ngọc T2 vì lý do gia đình bị cáo đã bồi thường được 800.000.000 cho 03 chiếc xe bị chiếm đoạt đồng (tổng giá trị thiệt hại 1.589.778.000đ); anh trai bị cáo có mặt tại phiên tòa xác nhận việc đã bồi thường. Cụ thể:

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Ford Ranger BKS 14C-227.43 số tiền 250.000.000 đồng (xe có giá trị 527.048.000 đồng);

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Mitsubishi BKS 14A-324.33 số tiền trị giá 250.000.000 đồng (xe có giá trị 589.867.000 đồng);

+ Bồi thường giá trị xe ô tô xe ô tô Chervolet Colorado BKS 14C-262.25 số tiền 300.000.000 đồng (xe có giá trị 472.863.000 đồng).

Đồng thời đề nghị rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Do bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 800.000.000 đồng trên tổng giá trị thiệt hại 1.589.778.000đ, khai báo thành khẩn có thái độ ăn năn hối cải và bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 (do đầu thú) Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị hại Vũ Sơn H2 và anh Triệu Ngọc H5 trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, anh Vũ Sơn H2 và anh Triệu Ngọc H5 là bị hại đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi kháng cáo của bị hại không gây bất lợi cho bị cáo. Căn cứ quy định tại Điều 342 và 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị hại Vũ Sơn H2 và Triệu Ngọc H5

[4] Lời khai nhận của bị cáo về hành vi phạm tội phù hợp lời khai những người bị hại anh Trịnh Ngọc H1, anh Vũ Sơn H2, phù hợp kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/5/2021 đến ngày 20/5/2021, bị cáo Lê Thị T có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt của anh Vũ Sơn H2 xe ô tô BKS 14C-227.43; chiếm đoạt của anh Trịnh Ngọc H1 xe ô tô BKS 14A-324.33 và xe ô tô BKS 14C-262.25, rồi mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt là 1.589.778.000 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân là đúng.

[5] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, đầu thú), tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần) theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 14 năm tù là thỏa đáng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho các bị hại số tiền 800.000.000 đồng; bị hại xác nhận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với tại phiên tòa sơ thẩm, được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt), việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị hại là phù hợp pháp luật và có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của bị hại để sửa bản án sơ thẩm và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường:

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Ford Ranger BKS 14C-227.43 số tiền 250.000.000 đồng (xe có giá trị 527.048.000 đồng) cho anh Vũ Ngọc H6, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 277.048.000 đồng

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Misubishi BKS 14A-324.33 số tiền trị giá 250.000.000 đồng (xe có giá trị 589.867.000 đồng); cho anh Trịnh Ngọc H1, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 239.867.000 đồng.

+ Bồi thường giá trị xe ô tô xe ô tô Chervolet Colorado BKS 14C-262.25 số tiền 300.000.000 đồng (xe có giá trị 472.863.000 đồng) cho anh Trịnh Ngọc H1, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 172.863.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo (thay đổi) của bị hại Trịnh Ngọc H1 và Vũ Sơn H2. Sửa quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 87/2022/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

2. Áp dụng: điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị T 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 13/12/2021. Phạt tiền bị cáo Lê Thị T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường:

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Ford Ranger BKS 14C-227.43 số tiền 250.000.000 đồng (xe có giá trị 527.048.000 đồng) cho anh Vũ Ngọc H6, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 277.048.000 đồng

+ Bồi thường giá trị xe ô tô Misubishi BKS 14A-324.33 số tiền trị giá 250.000.000 đồng (xe có giá trị 589.867.000 đồng); cho anh Trịnh Ngọc H1, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 239.867.000 đồng.

+ Bồi thường giá trị xe ô tô xe ô tô Chervolet Colorado BKS 14C-262.25 số tiền 300.000.000 đồng (xe có giá trị 472.863.000 đồng) cho anh Trịnh Ngọc H1, còn phải có nghĩa vụ bồi thường 172.863.000 đồng.

4. Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh